| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THANH THỦY**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 13 /2024/QĐST-HNGĐ | *Thanh Thủy, ngày 23 tháng 02 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH

## CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY - TỈNH PHÚ THỌ

*Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Hồng Canh
2. Bà Lê Thị Thu Hương

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:170/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023

## XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khu 7, xã Sơn Thuỷ, huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ;

Bị đơn: Chị Lê Thị T2 – Sinh năm 1988;

Địa chỉ: Khu 7, xã Sơn Thuỷ, huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Ngọc T và chị Lê Thị T2.

- Về con chung: Anh Trần Ngọc T và chị Lê Thị T2 thống nhất tự nguyện thỏa thuận: Giao cho chị Lê Thị T2 được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 03 con chung là cháu Trần Ngọc Hải – Sinh ngày 10/6/2008, Trần Ngọc Quân – Sinh ngày 11/3/2011 và cháu Trần An Nhiên – Sinh ngày 20/01/2021 kể từ tháng 02 năm 2024 đến khi các con chung thành niên. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T2 số tiền 1.000.000đồng(Một triệu đồng)/cháu/tháng tổng cả ba cháu là 3.000.000đồng (Ba triệu đồng)/tháng kể từ tháng 02 năm 2024 đến khi chau Hải, cháu Quân và cháu Nhiên thành niên.

Sau ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh Trần Ngọc T và chị Lê Thị T2 đều xác nhận không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Ngọc T tự nguyện nhận nộp toàn bộ 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa số BLTU/2023/0003661 ngày 17/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Nay chuyển thành án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND Thanh Thủy;
- UBND xã Sơn Thủy (Nơi ĐKKH);
- CCTHSDS huyện Thanh Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Hồng**

***Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:***

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

***Nơi nhận:***

ıi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*